

**Phụ lục 01**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ**  
**YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**  
(Kèm theo Tờ trình số 463/TTr-STNMT ngày 14/9/2024  
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn)

**I. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**

**1. Nguồn phát sinh nước thải**

1.1. Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, nhân viên, bệnh nhân, người nhà bệnh nhân từ các khu nhà vệ sinh khối nhà A, B, C, D, E, G.

1.2. Nguồn số 02: Nước thải y tế từ các khoa, phòng khám và điều trị bệnh nhân.

1.3. Nguồn số 03: Nước thải từ nhà bảo quản lò hấp rác.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải đối với nước thải.**

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Suối Đông Mạ.

2.2. Vị trí xả nước thải:

a) Vị trí xả thải: 01 vị trí tại cuối đường ống thoát nước thải của Trung tâm Y tế huyện Bình Gia ra suối Đông Mạ thuộc địa phận khối 6B, thị trấn Bình Gia, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

b) Tọa độ vị trí xả thải của dự án (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $107^{\circ}15'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ): X = 2428.471; Y = 409.096.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 100 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

2.4. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau khi được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải được bơm tự động theo đường ống tự chảy ra suối Đông Mạ.

- Hình thức xả: Tự động gián đoạn, xả mặt, xả ven bờ.

2.5. Chế độ xả nước thải: Xả thải gián đoạn theo chu kỳ bơm tự động (Thời gian xả mỗi chu kỳ 15-20 phút).

2.5. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận:

Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải sau xử lý trước khi thải vào nguồn tiếp nhận đáp ứng yêu cầu chất lượng theo 28:2010/BTNMT (cột B, K = 1,2 (áp dụng đối với bệnh viện < 300 giường))

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế, cụ thể như sau:

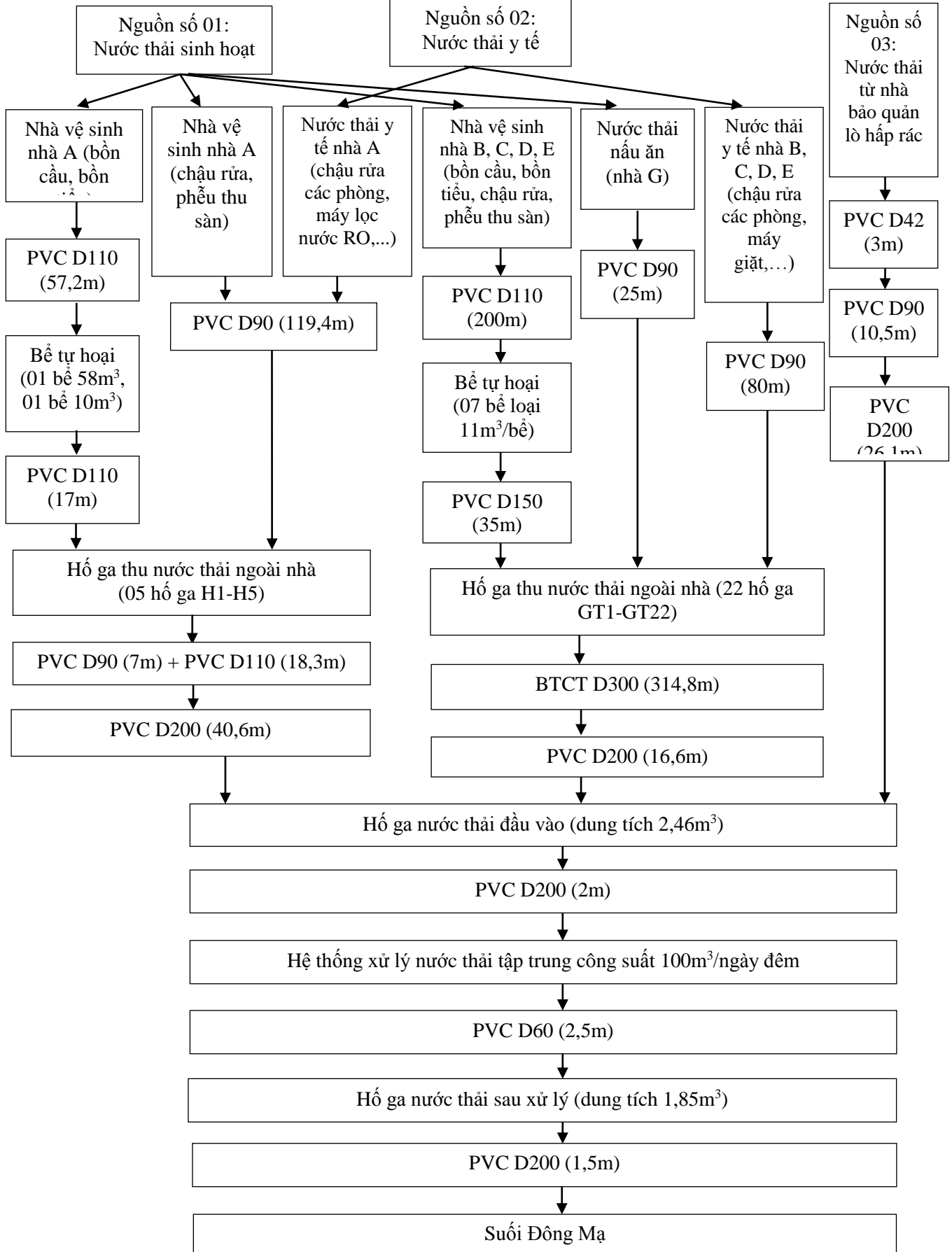
STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6,5-8,5	Không thuộc đối tượng phải	Không thuộc đối tượng
2	BOD <sub>5</sub>	mg/l	60		

3	COD	mg/l	120	thực hiện	phải thực hiện
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120		
5	Sulfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	4,8		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	60		
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	12		
9	Dầu mỡ ĐTV	mg/l	24		
10	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,12		
11	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,2		
12	Tổng coliforms	MPN/100ml	5.000		
13	Salmonella	VK/100ml	KPH		
14	Shigella	VK/100ml	KPH		
15	Vibrio cholerae	VK/100ml	KPH		

## II. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

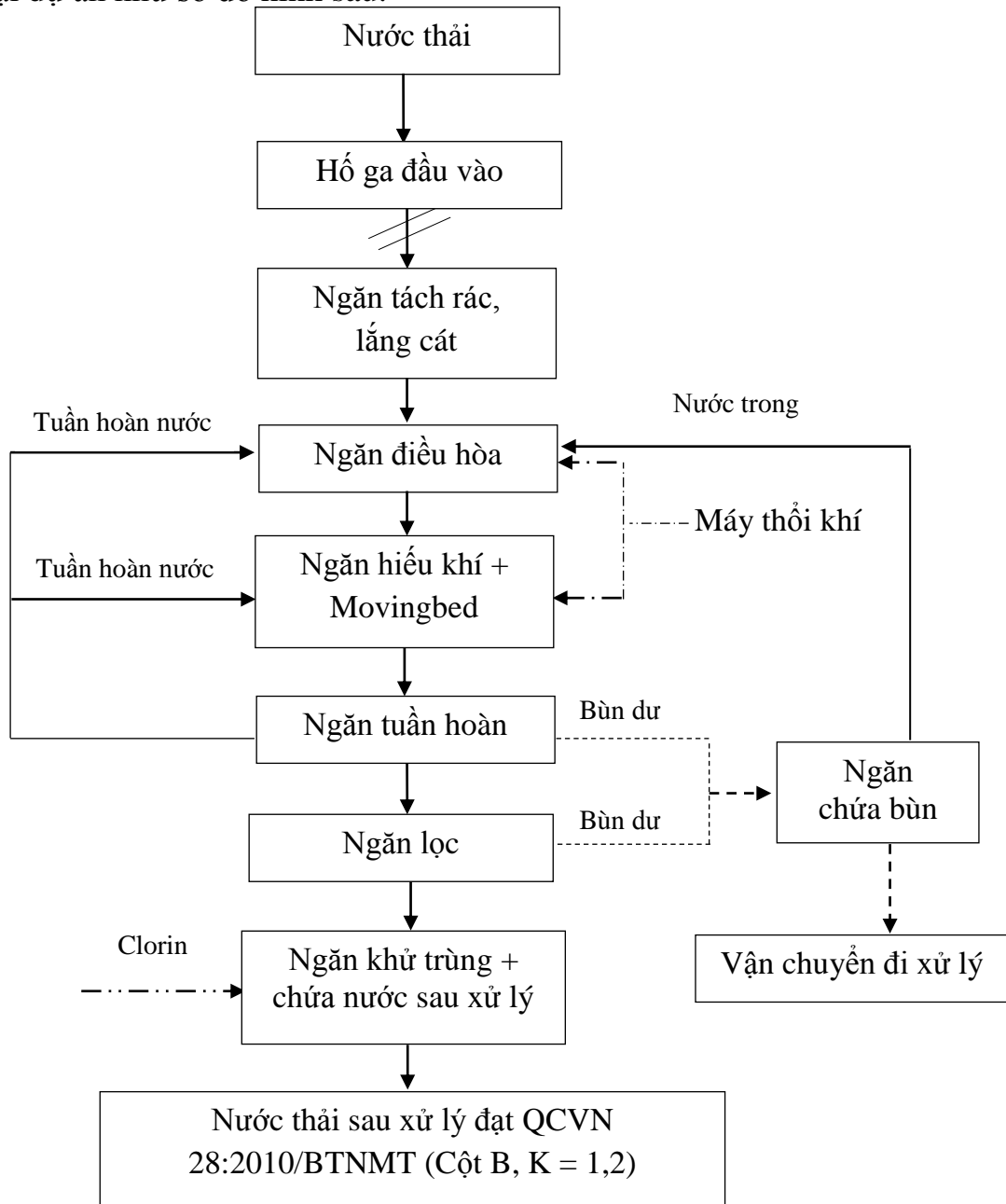
### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải được thể hiện qua sơ đồ sau:



## 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

a) Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải của hệ thống xử lý nước thải tại dự án như sơ đồ hình sau:



b) Công suất thiết kế: 100 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

c) Hóa chất, vật liệu sử dụng:

STT	Loại hóa chất	Khối lượng sử dụng	Vị trí	Chức năng	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Hóa chất sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải tập trung</b>				
1	Đệm vi sinh	1,8m <sup>3</sup> = 170 kg (loại giá thể vi sinh dạng bánh xe, kích thước ØxH = 10mm x 25mm, định lượng 95kg/m <sup>3</sup> ,	Tại ngăn hiếu khí + movingbed	Các vi sinh vật ở dạng hiếu khí (bùn hoạt tính) bám dính vào giá thể. Quá trình oxy hóa để khử BOD, COD và Nitrat hóa diễn ra	Được bổ sung vào bể khi lắp đặt hệ thống xử lý nước thải. Khi hệ thống đi vào hoạt động không bổ sung, thay thế

		vật liệu nhựa HDPE)		hiệu quả	
2	Vật liệu lọc	2,8m <sup>3</sup> = 560 kg (ống nhựa hình trụ rỗng, kích thước ØxH = 10mm x 25mm, định lượng 200kg/m <sup>3</sup> , vật liệu nhựa HDPE)	Tại ngăn lọc	Loại bỏ chất rắn lơ lửng	Được bổ sung vào bể khi lắp đặt hệ thống xử lý nước thải. Khi hệ thống đi vào hoạt động không bổ sung, thay thế
3	Clorin dạng viên	5 kg/tháng	Tại ngăn khử trùng	Sử dụng để khử trùng nước thải trước khi bơm nước thải ra môi trường	Bổ sung thường xuyên khi hóa chất đã tan hết

### 1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

#### a) Đối với sự cố rò rỉ, tắc nghẽn và nứt vỡ đường ống dẫn nước thải

- Công trình: không có.

- Biện pháp phòng ngừa sự cố:

+ Tuyên truyền cho cán bộ nhân viên, bệnh nhân, người nhà bệnh nhân thực hiện tốt việc vứt rác đúng nơi quy định để tránh gây tắc nghẽn, hỏng đường ống dẫn nước thải. Lắp đặt song chắn rác.

+ Sử dụng loại ống có đường kính phù hợp, độ bền cao, chôn ngầm tại khu vực có thể vừa tiết kiệm diện tích, đảm bảo mỹ quan và an toàn.

- Biện pháp ứng phó sự cố: Khi xảy ra sự cố rò rỉ, vỡ, tắc nghẽn đường ống thoát nước thải, nhanh chóng thông báo yêu cầu dừng các hoạt động xả nước thải tại các vị trí phát sinh sự cố. Bộ phận kỹ thuật nhanh chóng thực hiện thay thế, sửa chữa các đường ống bị rò rỉ, vỡ và thực hiện các biện pháp khơi thông. Đối với trường hợp vượt quá khả năng tự xử lý, liên hệ với đơn vị có chức năng thực hiện các biện pháp khắc phục kịp thời.

#### b) Đối với sự cố tại hệ thống xử lý nước thải:

- Công trình: không có.

- Biện pháp phòng ngừa sự cố:

+ Sử dụng tiết kiệm nước để tránh hệ thống xử lý nước thải bị quá tải. Bố trí máy bơm và máy thổi khí dự phòng.

+ Bố trí cán bộ có chuyên môn vận hành trạm xử lý nước thải. Trạm xử lý nước thải được vận hành theo đúng quy định vận hành đã được hướng dẫn của đơn vị thiết kế hệ thống xử lý nước thải.

+ Đối với hệ thống xử lý nước thải phải được kiểm tra và điều chỉnh chế độ làm việc của từng thiết bị trong quá trình hệ thống xử lý nước thải hoạt động, tránh hệ thống hoạt động quá tải. Thường xuyên kiểm tra, theo dõi các thiết bị để phát hiện sớm các thiết bị hỏng để sớm khắc phục và sửa chữa.

+ Nước thải được lưu giữ tại ngăn điều hòa trong thời gian chờ khắc phục sự cố, liên hệ với đơn vị có chức năng tới thu gom vận chuyển nước thải đi xử lý trong trường hợp thời gian sửa chữa kéo dài.

+ Khi xảy ra sự cố thông báo bằng loa dừng các hoạt động xả nước thải, nhanh chóng tìm nguyên nhân và tiến hành sửa chữa, khắc phục sự cố để đưa hệ thống trở lại hoạt động; kiểm tra, điều chỉnh hoạt động vận hành hệ thống để đảm bảo chất lượng nước thải đầu ra đạt quy chuẩn và duy trì ổn định hiệu quả hoạt động của hệ thống.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

### 2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

STT	Hạng mục công trình	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất dự kiến đạt được tại thời điểm kết thúc quá trình vận hành thử nghiệm
1	Hệ thống xử lý nước thải	Sau khi hoàn thành dự án cải tạo, sửa chữa hoàn thành nghiệm thu công trình, đi vào hoạt động ổn định	06 tháng kể từ khi bắt đầu vận hành thử nghiệm	20% công suất

*Ghi chú: Trước khi vận hành thử nghiệm chủ dự án sẽ thông báo Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình của dự án cho cơ quan chức năng trước 10 ngày (kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải) để theo dõi và giám sát.*

### 2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Vị trí lấy mẫu; tần suất lấy mẫu; chất ô nhiễm, giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm, quy chuẩn so sánh, cụ thể như sau:

STT	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu	Số mẫu	Số đợt	Tổng số mẫu	Thông số	Quy chuẩn so sánh	Ngày lấy mẫu dự kiến
1	Tại cuối đường ống thoát nước thải của dự án ra	Mẫu đơn	01	03	03	pH, BOD <sub>5</sub> , COD, TSS, Amoni, Nitrat, Phosphat, Sunfua, dầu mỡ động thực vật, tổng Coliforms,	QCVN 28:2010/ BTNMT (Cột B, K=1,2)	Trong giai đoạn vận hành ổn định: 03 ngày liên tiếp.

STT	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu	Số mẫu	Số đợt	Tổng số mẫu	Thông số	Quy chuẩn so sánh	Ngày lấy mẫu dự kiến
	suối Đông Mạ					Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae, tổng hoạt độ phóng xạ $\alpha$ , tổng hoạt độ phóng xạ $\beta$		

*Ghi chú: Trường hợp bất khả kháng không thể đo đạc, lấy và phân tích mẫu liên tiếp được thì phải thực hiện đo đạc, lấy và phân tích mẫu sang ngày kế tiếp.*

*- Chủ dự án chủ động thông báo ngày lấy mẫu vận hành ổn định cho cơ quan chức năng trước 10 ngày để theo dõi và giám sát.*

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, thoát nước thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.3. Lập sổ nhật ký, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành chính thức các công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Sở Y tế có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải gửi Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Bình Gia trước 10 ngày kể từ ngày kết thúc kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.5. Thường xuyên kiểm tra, theo dõi, giám sát việc vận hành. Bảo đảm đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất và thực hiện bảo trì, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị, các công trình xử lý nước thải của dự án để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.6. Sở Y tế chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu xả nước thải không bảo đảm các yêu cầu của Giấy phép này ra ngoài môi trường. Thực hiện các nghĩa vụ về tài chính đối với việc xả nước thải ra môi trường theo các quy định hiện hành./.

**Phụ lục 02**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA**  
**VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-STNMT ngày /9/2024  
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

**I. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh tại dự án được thể hiện trong bảng sau:

STT	Loại chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải lây nhiễm - Chất thải lây nhiễm sắc nhọn - Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn - Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao - Chất thải giải phẫu	Rắn/lỏng	13 01 01	6.000
2	Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	Rắn	13 01 02	860
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	10
4	Pin, ắc quy thải	Rắn	19 06 01	05
5	Hộp mực chứa mực in thải	Rắn	08 02 04	10
6	Bao bì nhựa cứng thải (thùng, can chứa hóa chất xử lý nước thải, hóa chất xét nghiệm)	Rắn	18 01 03	30
7	Bao bì cứng thải bằng các vật liệu khác (chai lọ thủy tinh)	Rắn	18 01 04	920
8	Dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất	Rắn	13 01 03	02
9	Chất thải vỏ chai thuốc, lọ thuốc, các dụng cụ dính thuốc thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất	Rắn	18 01 04	40
10	Giẻ lau, găng tay dính dầu, mực in	Rắn	18 02 01	10
<b>Tổng</b>				<b>7.887</b>



## 1.2. Khối lượng chất thải rắn (CTR) công nghiệp thông thường phát sinh

Tổng khối lượng phát sinh: 968,8 kg/năm, trong đó:

- Chất thải tái chế: Khối lượng phát sinh trung bình khoảng 2,5 kg/ngày đêm tức khoảng 913 kg/năm. Thành phần rác thải tái chế bao gồm: Vỏ hộp thuốc, bìa các tông, chai nhựa, các vỏ chai, lọ thuốc thủy tinh thải bỏ không dính, chứa các loại thuốc, hóa chất thuộc nhóm gây độc tế bào, không thấm, dính, chứa máu của cơ thể, không chứa vi sinh vật gây bệnh.

- Bùn thải từ bể tự hoại: khoảng 100 kg/ngày đêm (tương đương khoảng 36,5 tấn/năm).

- Bùn thải từ hệ thống thu gom nước mưa: khoảng 19,3 kg/ngày đêm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 123 kg/ngày đêm tương đương 45 tấn/năm.

1.4. Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải với khối lượng phát sinh lớn nhất khoảng 7.000 kg/năm sẽ được phân tích để phân loại xử lý.

## 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải.

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTNH:

a) Thiết bị lưu chứa CTNH: Bố trí các hộp đựng vật sắc nhọn loại 10 lít và các thùng nhựa loại 30, 60, 240 lít để phân loại chất thải nguy hại, trên thùng có dán nhãn đề mã chất thải theo quy định.

b) Kho/khu vực lưu chứa CTNH: Xây dựng 01 kho lưu chứa CTNH, diện tích xây dựng 18,7m<sup>2</sup>. Kho CTNH có kết cấu nền đổ gạch vỡ tôn nền đầm kỹ lán vỉa xi măng chống thấm, mái lợp tôn trên hệ xà gồ thép, tường bao quanh bằng tôn.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTR công nghiệp thông thường:

a) Chất thải tái chế:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa có nắp đậy.

- Diện tích kho: 22,8m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo: Kho có tường bao quanh, nền đầm kỹ lán vỉa xi măng chống thấm, mái lợp tôn trên hệ xà gồ thép.

b) Bùn thải từ bể tự hoại: Khi bùn thải từ các bể tự hoại gần đầy sẽ thuê đơn vị có chức năng hút, vận chuyển đi xử lý. Tần suất 02-03 năm/lần.

c) Bùn thải từ hệ thống thu gom và thoát nước mưa: Thường xuyên tổ chức nạo vét hệ thống thoát nước mưa, bùn thải được thu gom khoảng 02-03 năm/lần.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTR sinh hoạt

a) Thiết bị: Thùng nhựa có nắp đậy.

b) Diện tích kho: 16,2m<sup>2</sup>.

c) Thiết kế, cấu tạo: nền đầm kỹ lán vỉa xi măng, cột chống bằng tôn, mái che bằng tôn.

#### 2.4. Yêu cầu chung đối với quản lý chất thải

a) Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải y tế, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải khác phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và pháp luật có liên quan.

b) Bố trí phương tiện, thiết bị, bao bì để phân loại chất thải rắn sinh hoạt, y tế tại nguồn và chuyên giao chất thải sinh hoạt, y tế (nếu chuyên giao) hoặc tự xử lý bảo đảm đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, việc chuyên giao chất thải phải thực hiện với đơn vị có chức năng, năng lực xử lý chất thải theo quy định của pháp luật.

c) Thực hiện lấy mẫu bùn thải để phân tích và so sánh với QCVN 50:2013/BTNMT, trường hợp các thành phần ô nhiễm trong bùn thải vượt quá ngưỡng giới hạn cho phép của QCVN 50:2013/BTNMT thì sẽ được quản lý như chất thải nguy hại, nếu các thành phần ô nhiễm nằm trong ngưỡng giới hạn cho phép của QCVN 50:2013/BTNMT sẽ được quản lý như chất thải thông thường.

## **II. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

**1.** Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải và các sự cố khác theo quy định của pháp luật

**2.** Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường và phục hồi môi trường sau sự cố theo quy định tại các Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020./.

**Phụ lục 03**  
**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-STNMT ngày /9/2024  
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả quản lý, sử dụng. Giảm thiểu xả nước thải thông qua tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước.

3. Thực hiện phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải y tế, chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

4. Khí thải phát sinh từ các máy phát điện dự phòng (chỉ sử dụng gián đoạn trong trường hợp mất điện) không có hệ thống xử lý khí thải, tuy nhiên nhiên liệu sử dụng phải là nhiên liệu sạch, đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa; khí thải phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Đền bù thiệt hại và khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố trong quá trình hoạt động theo quy định của pháp luật hiện hành.

7. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.